TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 02**/2018/LĐ-ST
Ngày 12 /6 /2018
V/v Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Phan Thị Hà
2. Ông Nguyễn Đức Vinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thu Hương – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình*** *tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 th¸ng 6 n¨m 2018 t¹i Trô së Toµ ¸n nh©n d©n quận Ba Đình xĐt xö s¬ thÈm c«ng khai vô ¸n lao động thô lý sè lý số 11/2017/TLST- LĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX- LĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-LĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy D.

Địa chỉ: số 52 – Hẻm 294/11/6 phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ trợ thính Q.

Địa chỉ trụ sở công ty: số 384 đường C, Phường 4, quận T, thành phố H.

Địa chỉ chi nhánh tại Hà Nội: phòng 1103, Tòa nhà O; phố T; phường N, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Trần Q- Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Vũ Hồng Vân
(văn bản ủy quyền số 01/UQ-QĐ ngày 09/02/2017.
(Anh D, chị Vân có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2017, đơn sửa đổi, bổ sung ngày 15 tháng 7 năm 2017 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là anh Nguyễn Duy D trình bày:

Ngày 01/06/2015 anh và Công ty TNHH Dịch vụ trợ thính Q(sau đây gọi là Công ty Q) ký Hợp đồng công việc, thời hạn hợp đồng 03 tháng, từ ngày 01 tháng 6 năm 2015 đến ngày 31 tháng 8 năm 2015, mức lương 20.000.000 đồng/tháng, phụ cấp ăn trưa 25.000đồng/ngày.

Ngày 01 tháng 9 năm 2015 anh và Chi nhánh Công ty Q tại Hà Nội ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, từ ngày 01/09/2015 đến ngày 31/08/2016 với chức danh chuyên môn: Trưởng chi nhánh Hà Nội. Mức lương chính ghi trong hợp đồng là 9.238.000 đồng. Được phụ cấp ăn trưa giữa ca.

Đến tháng 01 năm 2016 mức lương của anh được nâng lên là 10.430.000 đồng/tháng.

Thực tế hàng tháng anh được nhận 21.000.000 đồng, bao gồm tiền lương là 20.000.000 đồng và phụ cấp xăng xe, điện thoại là 1000.000 đồng.

Ngoài ra anh được tiền ăn trưa là 25.000 đồng/ngày (650.000 đồng/tháng).

Như vậy, tổng thu nhập hàng tháng của anh là 21.650.000 đồng.

Số tiền 21.000.000 đồng anh nhận qua tài khoản do Công ty chuyển vào cuối tháng.

Còn 650.000 đồng anh nhận trực tiếp từ kế toán Công ty.

Ngày 25 tháng 12 năm 2015, anh nhận được thông báo của bà Mai Kim Thoa – Phó giám đốc phụ trách nhân sự Công ty Qgửi qua thư điện tử thông báo sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với anh vào ngày 31 tháng 01 năm 2016.

Ngoài ra anh nhận được một số thư như: thư ngày 28/11/2015 về báo cáo hiệu quả công việc; thư ngày 21/8/2015 về việc công ty khen anh để ký hợp đồng lao động chính thức; thư ngày 18/12/2015 về việc sẽ đình chỉ vai trò quản lý chi nhánh của anh tại Hà Nội.

Ngày 31/01/2016 anh nhận được quyết định số 01/2016/QĐ-QĐHN của Chi nhánh Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với lý do: *Xét đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động của anh Nguyễn Duy D.*

Anh không viết đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động như trong quyết định số 01/2016/QĐ-QĐHN đã đề cập.

Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động thì việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với anh là trái pháp luật.

Anh đề nghị Tòa án hủy quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động số 01/2016/QĐ-QĐHN ngày 31/01/2016 của Chi nhánh Công ty Q.

Anh không yêu cầu Công ty Q nhận trở lại làm việc vì hợp đồng lao động đã hết hạn từ ngày 31/8/2016.

Anh yêu cầu Công ty Qthanh toán:

1, Tiền lương do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo điều 41 Bộ luật lao động: 02 tháng x 20.000.000đ = 40.000.000 đồng

2, Tiền lương những ngày không được làm việc do Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 07 tháng từ tháng 2/2016 đến 31/8/2016:

07 tháng x 20.000.000 đ = 140.000.000 đồng

3, Tiền bảo hiểm xã hội:

10.430.000 x 22% x 07 tháng = 16.062.000 đồng

4, Bảy ngày phép năm của 07 tháng (2/2016 đến 8/2016):

20.000.000/ 26 ngày x 07 ngày = 5.384.000 đồng

5, Tiền phụ cấp xăng xe, điện thoại :

1.000.000đ x 07 tháng = 7.000.000 đồng

Tổng cộng là:

40.000.000 đ + 140.000.000đ +16.602.000đ+ 5.384.000đ+ 7.000.000đ = 208.466.000 đồng.

Anh và Công ty Qthỏa thuận với nhau đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình nơi anh cư trú để giải quyết vụ án này.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Trường hợp Công ty đồng ý hòa giải, anh sẽ rút yêu cầu về tiền phụ cấp xăng xe và điện thoại là 7.000.000 đồng. Còn lại anh yêu cầu công ty phải chi trả cho anh tất cả các khoản với số tiền là: 201.446.000 đồng.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là Công ty TNHH Dịch vụ trợ thính Q trình bày:

Công ty TNHH Dịch vụ trợ thính Q(sau đây gọi là Công ty Q) xác nhận về thời gian vào làm việc và ký hợp đồng công việc, hợp đồng lao động, mức lương ghi trong hợp đồng lao động như anh D trình bày là đúng.

Mức lương cơ bản của anh D từ tháng 01 năm 2016 được nâng lên là 10.430.000 đồng/tháng và là mức lương đóng bảo hiểm xã hội.

Mức lương của anh D 6 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là 20.000.000 đồng/tháng và phụ cấp xăng xe điện thoại 1000.000 đồng/tháng. Tổng 21.000.000 đồng/tháng.

Khi còn làm việc tại Công ty Qthì tổng thu nhập thường xuyên hàng tháng của anh D là hơn 21.000.000 đồng và được chuyển vào tài khoản của anh D.

Gồm : + Lương thời gian (theo hợp đồng lao động) : 9.238.000 đồng

+ Thỏa thuận bổ sung theo vị trí công việc: 10.762.000 đồng (không có thỏa thuận bằng văn bản).

+ Hỗ trợ cơm trưa: 625.000đồng (25.000đồng/ngày).

+ Phụ cấp xăng xe, điện thoại: 1000.000 đồng.

+Tiền gửi xe: 125.000 đồng/tháng

Anh D yêu cầu lấy mức lương 20.000.000 đồng/tháng làm căn cứ tính các chế độ cho anh D là không có căn cứ vì căn cứ theo Điều 14 của Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH thì tiền lương làm căn cứ để tính các chế độ cho anh D là mức lương được ghi trong hợp đồng lao động số 05 ngày 01/9/2015. Cụ thể là 9.230.000 đồng.

Ngày 22/12/2015 Công ty có gửi thư điện tử cho anh D để chấm dứt HĐLĐ với anh D.

Ngày 31/01/2016 Công ty có quyết định chấm dứt HĐLĐ với anh D.

Trong quyết định chấm dứt hợp đồng lao động có nêu xét đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động của anh D nhưng thực tế anh D không có đơn xin chấm dứt hợp đồng và hai bên không có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

Trên thực tế lý do Công ty Q chấm dứt hợp đồng lao động với anh D là: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 38 Bộ luật lao động, do anh D không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

Cụ thể không hoàn thành:

+ Anh D không xây dựng chiến lược kế hoạch phát triển kinh doanh chi nhánh Hà Nội.

+ Tổ chức và điều hành nhân sự tại Chi nhánh Hà Nội yếu kém.

+ Không triển khai theo dõi phân tích đánh giá kết quả các chương trình Maketinh quảng cáo tại khu vực Hà Nội.

Chứng cứ Công ty Qchứng minh anh D không hoàn thành nhiệm vụ này là 5 thư điện tử của giám đốc Công ty gửi anh D đó là 5 thư:

Thư ngày 25/12/2015 về việc thông báo sẽ chấm dứt HĐLĐ với anh D từ ngày 01/2/2016;

Thư ngày 28/11/2015 về đánh giá hiệu quả công việc của anh D tại chi nhánh Hà Nội và đưa kế hoạch trong thời gian tới;

Thư ngày 21/8/2015 về việc trao đổi giữa D và anh Đức về quyền hạn cho trưởng chi nhánh;

Thư ngày 10/12/2015 về việc tăng cường kiếm soát nội bộ chi nhánh nội bộ và điều chỉnh vị trí nhân viên;

Thư ngày 18/12/2015 về việc anh D sẽ làm một nhân viên Sale.

Thư ngày 19/12/2015 về việc chuyển anh D sang làm nhân viên kinh doanh và báo cáo hàng ngày.

Ngoài các thư đó Công ty Q không còn chứng cứ nào khác chứng minh anh D không hoàn thành nhiệm vụ.

Anh D làm việc đến hết ngày 31/01/2016 thì nghỉ việc theo quyết định chấm dứt hợp dồng lao động.

Công ty Qđã thanh toán trả anh D 35.154.000 đồng bao gồm:

1, Tiền lương những ngày phép chưa nghỉ: 2.487.000 đồng

2, Lương và phụ cấp tháng 1/2016 là 21.000.000 đồng

3, Lương tháng 13 : 11.667.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động, Công ty chấm dứt HĐLĐ đối với anh D là đúng pháp luật.

Các yêu cầu của anh D nêu ra không có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh D.

Công ty và anh D đã thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình nơi anh D cư trú để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa:

- Anh D vẫn giữ các yêu cầu như đã trình bày.

- Công ty Qtrình bày:

Công ty Qkhông có Thỏa ước lao động tập thể, Công ty có tổ chức công đoàn.

Công ty không có quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người lao động, Công ty chỉ có nội quy lao động đã được Sở lao động thương binh xã hội quận Tân Bình thành phố Hồ Chí Minh thông qua nhưng trong bản nội quy không quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với anh D là đúng pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (người lao động là nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi cư trú và được bị đơn đồng ý). Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ cho thấy Công ty Qđơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với anh D là trái pháp luật. Mức lương anh D nhận thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương là 20.000.000 đồng/tháng.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D. Hủy quyết định số 01/2016/QĐ-QĐHN ngày 31/01/2016 của Chi nhánh Công ty Qtại Hà Nội về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh D. Chấp nhận yêu cầu của anh D không yêu cầu Công ty nhận trở lại làm việc.

Công ty Qphải trả anh D:

- Tiền lương những ngày anh D không được làm việc từ tháng 02/2016 đến tháng 8/2016 là 07 tháng:

20.000.000 đồng/tháng x 07 tháng =140.000.000 đồng;

- Hai tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động:

9.238.000 đồng/tháng x 02 tháng = 18.456.000 đồng;

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế:
10.430.000đồng x 22%/tháng x 7 tháng = 16.062.200 đồng;
- Bồi thường thêm theo khoản 3 điều 42 Bộ luật lao động:

9.238.000 đồng/tháng x 02 tháng = 18.456.000 đồng;

Tổng cộng Công ty Qphải thanh toán trả anh D: 193.014.000 đồng.

Bác các yêu cầu bồi thường khác của anh D đối với Công ty Qvì không có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Anh Nguyễn Duy D là nguyên đơn cư trú tại số 52, ngõ 294/11/6 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội. Ngày 20 tháng 12 năm 2017 anh D và Công ty TNHH Dịch vụ trợ thính Qthỏa thuận với nhau yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình nơi anh D cư trú giải quyết tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động giữa anh D và Công ty TNHH Dịch vụ trợ thính Q.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Ba Đình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1]. Ngày 01 tháng 6 năm 2015 anh Nguyễn Duy D và Công ty TNHH Dịch vụ trợ thính Q(sau đây gọi là Công ty Q) ký Hợp đồng công việc, thời hạn hợp đồng 03 tháng, từ 01/6/2015 đến 31/8/2015, mức lương 20.000.000 đồng/tháng, ăn trưa 25.000đồng/ngày.

Ngày 01 tháng 9 năm 2015 anh D và Chi nhánh Công ty Qtại Hà Nội ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/8/2016. Chức danh chuyên môn: Trưởng chi nhánh Hà Nội. Mức lương chính

ghi trong hợp đồng là 9.238.000 đồng. Được phụ cấp ăn trưa giữa ca và hàng tháng được hưởng phụ cấp xăng xe, điện thoại 1000.000 đồng.

Từ tháng 01 năm 2016 mức lương của anh D được nâng lên là 10.430.000 đồng/tháng, đây cũng là mức lương làm căn cứ để Công ty Q đóng bảo hiểm xã hội cho anh D.

Anh D làm việc đến hết tháng 12 năm 2015 thì nghỉ việc vì ngày 31 tháng 01 năm 2016 Chi nhánh Công ty Qcó quyết định số 01/2016/QĐ-QĐHN chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh D.

Anh D cho rằng Công ty Qđơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, anh đề nghị Tòa án hủy quyết định số 01/2016/QĐ-QĐHN ngày 31/01/2016 của Chi nhánh Công ty Q và bồi thường 07 tháng tiền lương những ngày không được làm việc từ tháng 2 /2016 đến tháng 8/2016, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, 07 ngày phép, 02 tiền lương theo điều 42 Bộ luật lao động, với mức lương 21.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền anh D yêu cầu 208.466.000 đồng.

Công ty Qcho rằng anh D thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động nên chấm dứt hợp đồng lao động với anh D theo điểm a khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động.

[2]. Xét thấy, tại quyết định số 06/2012/QĐ-QĐ ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Giám đốc Công ty Q về việc bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh thì Chi nhánh Công ty Qtại Hà Nội được ký hợp đồng lao động với người lao động. Do đó, hợp đồng lao động ký kết ngày 01/9/2015 giữa anh D và Chi nhánh Công ty Quang Đức tại Hà Nội có hiệu lực pháp luật.

Theo Quyết định số 01/2016/QĐ-QĐHN ngày 31/01/2016 của Chi nhánh Công ty Qtại Hà Nội thì Chi nhánh Công ty Q tại Hà Nội chấm dứt hợp đồng lao động với anh D vì lý do anh D có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh D và Công ty Qđều xác nhận anh D không có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động.

Công ty Qcho rằng Công ty Qchấm dứt hợp đồng lao động với anh D vì lý do anh D thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động và xuất trình 05 thư điện tử gửi cho anh D, đó là các thư điện tử ngày 21/8/2015; 25/12/2015; 28/11/2015; 10/12/2015; 18/12/2015 để chứng minh anh D thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ theo hợp đồng lao động.

Anh D xác nhận có nhận được 04 thư điện tử, đó là thư ngày 25/12/2015 về việc thông báo chấm dứt HĐLĐ; thư ngày 28/11/2015 về báo cáo hiệu quả công việc; thư ngày 21/8/2015 về việc Công ty khen anh để ký hợp đồng lao động chính thức; thư ngày 18/12/2015 về việc sẽ đình chỉ vai trò quản lý chi nhánh của anh tại Hà Nội. Anh không nhận được thư ngày 10/12/2015. Công ty chưa lập biên bản nhắc nhở anh lần nào về việc không hoàn thành công việc

theo hợp đồng lao động, bản thân anh vẫn hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

Nhận thấy, theo quy định tại điều 12 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động thì : "*Người sử dụng lao động phải quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của doanh nghiệp, làm cơ sở đánh giá người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động. …..*".

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Công ty Qtrình bày Công ty chưa ban hành quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người lao động, Công ty chỉ có nội quy lao động đã được sở lao động thương binh xã hội quận Tân Bình thành phố Hồ Chí Minh thông qua nhưng trong bản nội quy không quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

Như vậy, Công ty Qkhông chứng minh được anh D thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp động mà đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với anh D là trái pháp luật, trái điểm a khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động.

Do đó, hủy quyết định số 01/2016/QĐ-QĐHN ngày 31/01/2016 của Chi nhánh Công ty Q. Công ty Qphải nhận anh D trở lại làm việc và thanh toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế những ngày không được làm việc, 07 ngày phép và hai tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động.

Tuy nhiên, anh D không yêu cầu Công ty Q nhận trở lại làm việc vì hợp đồng lao động đã hết hạn ngày 31/8/2016, nên Công ty Q phải trả anh D tiền lương, bảo hiểm xã hội những ngày anh D không được làm việc từ ngày 01/02/2016 đến ngày 31/8/2016, 07 ngày phép và hai tháng tiền lương.

[3]. *Về tiền lương Công ty Q phải trả cho anh D:*

Anh D căn cứ vào hợp đồng công việc thời hạn 03 tháng ký ngày 01 tháng 6 năm 2015 do hai bên thỏa thỏa thuận là 20.000.000 đồng/tháng cùng 1.000.000 đồng phụ cấp xăng xe, điện thoại và căn cứ vào thực tế hàng tháng Công ty Qtrả anh tiền lương và phụ cấp xăng xe, điện thoại là 21.000.000 đồng/tháng qua tài khoản tại Ngân hàng nên anh đề nghị Tòa án lấy mức lương là 20.000.000 đồng/tháng làm căn cứ để giải quyết chế độ khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Công ty Qtrình bày nếu phải bồi thường thì mức lương làm căn cứ để tính chế độ cho anh D là mức lương ghi trong hợp đồng lao động.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Công ty Qxác nhận mức lương bình quân của 6 tháng liền kề trước khi anh D bị chấm dứt hợp đồng lao động là 21.000.000 đồng và xuất trình bảng kê các khoản thanh toán cho anh D từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 01/2016, cụ thể:

Lương thời gian: 9.238.000 đồng .

Thỏa thuận bổ sung theo công việc: 10.762.000 đồng.

Phụ cấp xăng xe, điện thoại: 1000.000 đồng.

Tổng 21.000.000 đồng.

Như vậy, mức lương 20.000.000 đồng/tháng làm căn cứ để tính chế độ cho anh D là có căn cứ và Công ty Q phải trả anh D các khoản sau:

1. Tiền lương những ngày anh D không được làm việc từ tháng 02/2016 đến tháng 8/2016 là 07 tháng:

20.000.000 đồng/tháng x 07 tháng =140.000.000 đồng;

2. Bảo hiểm xã hội: Theo quy định của Luật việc làm và Luật bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động phải đóng: bảo hiểm xã hội 18%, bảo hiểm thất nghiệp 1%, bảo hiểm y tế là 3% , tổng là 22%/tháng.

10.430.000đồng x 22%/tháng x 7 tháng = 16.062.200 đồng;

3. Hai tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động:

20.000.000 đồng/tháng x 02 tháng =40.000.000 đồng;

4. Phép 07 ngày của 07 tháng (2/2016 đến 8/2016):

20.000.000/ 26 ngày công x 07 ngày = 5.384.000 đồng.

Tổng cộng Công ty Qphải thanh toán trả anh D : 201.446.200 đồng.

[4]. Đối với yêu cầu trả phụ cấp xăng xe, điện thoại của 07 tháng (từ 2 / 2016 đến tháng 8/2016) là 1000.000 đồng x 7 tháng = 7000.000 đồng.

Xét thấy, từ ngày 01/ 02/2016 đến ngày 31/ 8/2016 là thời gian anh D không làm việc nên anh D không được phụ cấp xăng xe, điện thoại của thời gian này.

[5]. Về án phí: Anh D được miễn án phí lao động.

Công ty Qphải chịu án phí đối với số tiền phải trả anh D là:

201.446.200 đồng X 3% = 6.043.386 đồng

[6].Quyền kháng cáo: Anh D và Công ty Qđược quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

QuyÕt ®Þnh:

Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 42 của Bộ luật lao động.

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thêng vô Quèc héi quy ®Þnh vÒ mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xö:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của anh Nguyễn Duy D đối với Công ty TNHH dịch vụ trợ thính Q.

2. Hủy định số 01/2016/QĐ-QĐHN ngày 31/01/2016 của Chi nhánh Công ty Qtại Hà Nội.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Duy D không yêu cầu Công ty TNHH dịch vụ trợ thính Qnhận trở lại làm việc.

4. Công ty TNHH dịch vụ trợ thính Qphải trả anh Nguyễn Duy D các khoản tiền sau:

+ Tiền lương những ngày không được làm việc: 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

+ Tiền bảo hiểm xã hội: 16.062.200 đồng (mười sáu triệu không trăm sáu hai nghìn hai trăm đồng).

+ Tiền 07 ngày phép: 5.384.000 đồng (năm triệu ba trăm tám tư nghìn đồng).

+ Hai tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Tổng cộng các khoản Công ty TNHH dịch vụ trợ thính Qphải trả anh Nguyễn Duy D 201.446.200 đồng (hai trăm linh một triệu bốn trăm bốn sáu nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền trả lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. VÒ ¸n phÝ: Anh Nguyễn Duy D được miễn án phí lao động sơ thẩm.

Công ty TNHH dịch vụ trợ thính Qphải chịu 6.043.386 đồng (sáu triệu không trăm bốn ba nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng).

KÓ tõ ngµy b¶n ¸n cã hiÖu lùc ph¸p luËt theo quy ®Þnh t¹i §iÒu 2 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù th× ngưêi ®ưîc thi hµnh ¸n d©n sù, ngưêi ph¶i thi hµnh ¸n d©n sù cã quyÒn tháa thuËn thi hµnh ¸n, quyÒn yªu cÇu thi hµnh ¸n, tù nguyÖn thi hµnh ¸n hoÆc bÞ cưìng chÕ thi hµnh ¸n theo quy ®Þnh t¹i c¸c ®iÒu 6; điều 7 và điều 9 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®ưîc thùc hiÖn theo quy ®Þnh t¹i §iÒu 30 luËt thi hµnh ¸n d©n sù.

Anh Nguyễn Duy D và Công ty TNHH dịch vụ trợ thính Qcã quyÒn kh¸ng c¸o b¶n ¸n trong thời h¹n 15 ngµy kÓ tõ ngµy tuyªn án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;V.phòng.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Lai